

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch đầu tư công năm 2019

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ MƯỜI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 4006/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc đề nghị thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2019; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2019 là 1.513.867 triệu đồng (bao gồm: Vay Ngân hàng Thế giới 49.700 triệu đồng). Phân bổ chi tiết như sau:

1. Vốn để đẩy nhanh tiến độ các dự án trong chỉ đạo, điều hành: 146.416 triệu đồng.
2. Trả nợ vay Ngân hàng Phát triển: 72.562 triệu đồng.
3. Dự kiến vay Ngân hàng Thế giới 49.700 triệu đồng.

4. Hỗ trợ khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn: 29.283 triệu đồng.

5. Trích đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 7.500 triệu đồng.

6. Ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất: 150.000 triệu đồng.

7. Chi hỗ trợ doanh nghiệp công ích: 1.000 triệu đồng.

8. Hỗ trợ các địa phương: 48.010 triệu đồng.

9. Phân bổ cho các sở, ban, ngành và địa phương: 1.009.396 triệu đồng.

(Đính kèm Danh mục Kế hoạch đầu tư công năm 2019)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa IX Kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 12 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN, TP.HCM);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TƯ, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQ VN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQ VN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thanh Tạo



DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019 TỈNH HẬU GIANG

(Đính kèm Nghị quyết số: 15/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

Đơn: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2019					Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Cân đối ngân sách		Vay Ngân hàng Thế giới		
							Xổ số kiến thiết				Tiền sử dụng đất
	TỔNG SỐ		6.649.583	4.561.391		1.513.867	1.464.167	710.000	200.000	49.700	
A	Vốn để đẩy nhanh tiến độ các dự án trong chi đạo, điều hành					146.416	146.416				
B	Trả nợ vay Ngân hàng Phát triển					72.562	72.562	58.787			
C	Dự kiến vay Ngân hàng Thế giới					49.700				49.700	
D	Hỗ trợ khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn					29.283	29.283				
E	Trích đo đạc và cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất					7.500	7.500		7.500		
F	Ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất					150.000	150.000		150.000		
G	Chi hỗ trợ doanh nghiệp công ích		1.042	1.042		1.000	1.000				
1	Mua sắm thiết bị chuyên dùng phục vụ dịch vụ công ích	2019-2020	466/QĐ-SKHĐT, 29/10/2018	1.042	1.042	1.000	1.000				
H	Hỗ trợ các địa phương			263.340	227.102	48.010	48.010	35.556	3.145		
I	Thị xã Ngã Bảy			87.402	62.102	6.191	6.191	2.782	-		
(1)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2018			72.402	47.102	4.191	4.191	2.782	-		
1	Bảo tồn và phát huy chợ nổi Ngã Bảy gắn với du lịch sông nước miệt vườn	2015-2017	1509/QĐ-UBND, 9/10/2014; 1707/QĐ-UBND, 05/12/2014	35.082	9.782	2.782	2.782				
2	Nâng cấp đường 1 tháng 5, thị xã Ngã Bảy	2017-2019	3729/QĐ-UBND, 31/10/2016	8.000	8.000	500	500				
3	Nâng cấp đường ô tô về trung tâm xã Tân Thành	2017-2019	3742/QĐ-UBND, 31/10/2016	7.000	7.000	489	489				
4	Nâng cấp đường Lê Hồng Phong	2017-2019	3743/QĐ-UBND, 31/10/2016	7.381	7.381	81	81				

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019					Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Chia theo nguồn vốn			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Cân đối ngân sách	Vay Ngân hàng Thế giới		
									Tổng số	Xổ số kiến thiết	
5	Nâng cấp mở rộng đường Ngô Quyền	2017-2019	3741/QĐ-UBND, 31/10/2016	14.939	14.939	339	339				
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2019			15.000	15.000	2.000	2.000	-	-		
1	Nâng cấp, mở rộng đường vào trung tâm xã Hiệp Lợi (đoạn từ đường Hùng Vương đến Kênh 500)	2018-2020	2465/QĐ-UBND, 31/10/2017	15.000	15.000	2.000	2.000				
II	Thị xã Long Mỹ			64.000	64.000	24.499	24.499	20.454	3.145		
(1)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2018			24.000	24.000	3.175	3.175	2.275	-		-
1	Trường Trung học Long Trị 1	2017-2019	1519/QĐ-UBND 31/10/2016	15.000	15.000	2.275	2.275	2.275			
2	Trụ sở UBND xã Long Phú	2017-2019	1518/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	9.000	9.000	900	900				
(4)	Dự án khởi công mới năm 2019			40.000	40.000	21.324	21.324	18.179	3.145		
1	Đường từ Trà Lồng đến xã Long Trị (Xéo Cỏ - Xéo Xu - Long Trị)	2019-2020	2318/QĐ-UBND, 30/10/2016	40.000	40.000	21.324	21.324	18.179	3.145		
III	Huyện Long Mỹ			80.000	80.000	12.080	12.080	12.080	-		-
(3)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019			80.000	80.000	12.080	12.080	12.080	-		
1	Đường vào Đền thờ Bác Hồ (đoạn từ xã Xà Phien đến Đền thờ Bác)	2017-2021	1960/QĐ-UBND, 31/10/2016	80.000	80.000	12.080	12.080	12.080			
IV	Hỗ trợ Huyện Phụng Hiệp (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh làm Chủ đầu tư)			13.000	13.000	5.000	5.000				-
(3)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019			13.000	13.000	5.000	5.000				
1	Cải tạo, nâng cấp đường bờ bao kênh Lái Hiếu, kênh La Bách, thị trấn Cây Dương	2018-2020	278/QĐ-SKHĐT 31/10/2017	13.000	13.000	5.000	5.000				
V	Huyện Châu Thành			18.938	8.000	240	240	240	-		
(1)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2018			18.938	8.000	240	240	240	-		
1	Trường Tiểu học Ngô Hữu Hạnh 6, huyện Châu Thành	2015-2017	1352/QĐ-UBND, 24/9/2015	18.938	8.000	240	240	240			

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019						Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Cân đối ngân sách		Vay Ngân hàng Thế giới		
								Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất			
I	Phân bổ cho các sở, ban, ngành và địa phương			6.385.201	4.333.247	1.009.396	1.009.396	469.241	39.355	-		
*	Dự án tỉnh quản lý			4.768.100	3.421.063	664.206	664.206	300.336	22.440	-		
I	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh			173.484	65.085	59.000	59.000	-	-	-		
(1)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2018			8.484	8.484	5.000	5.000	-	-	-		
	Dự án nhóm C			8.484	8.484	5.000	5.000	-	-	-	Thu hồi tạm ứng tồn quỹ ngân sách tính 5.000 triệu đồng	
1	Cầu Nước Đục	2011-2012	2554/UBND 21/12/2010	8.484	8.484	5.000	5.000	5.000			Vốn đối ứng	
(4)	Dự án khởi công mới năm 2019			165.000	56.601	54.000	54.000	-	-			
1	Hồ chứa nước ngọt, tỉnh Hậu Giang	2018 - 2020	1638/QĐ-UBND, 26/10/2018	165.000	56.601	54.000	54.000					
II	Sở Giáo dục và Đào tạo			7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	-			
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2019			7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	-			
c	Dự án nhóm C			7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	-			
1	Trường THPT Phú Hữu, huyện Châu Thành	2018-2020	474/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	600	600	600	600	600				
2	Trường THPT Ngã Sáu, huyện Châu Thành	2018-2020	476/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000				
3	Trường THPT Nguyễn Minh Quang, thị xã Ngã Bảy	2018-2020	475/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200				
4	Trường THPT Lê Quý Đôn, thị xã Ngã Bảy	2018-2020	478/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200				
5	Trường THPT Long Mỹ, thị xã Long Mỹ	2018-2020	477/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000				
6	Trường THPT Tân Phú, thị xã Long Mỹ	2018-2020	473/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	600	600	600	600	600				
7	Trường THPT Trường Long Tây, huyện Châu Thành A	2018-2020	472/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	500	500	500	500	500				
8	Trường dạy trẻ khuyết tật tỉnh Hậu Giang	2018-2020	479/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	300	300	300	300	300				
III	Công ty Phát triển hạ tầng Khu Công nghiệp Hậu Giang			1.261.003	1.099.139	43.810	43.810	43.810	4.250	-		

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2019						Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Cân đối ngân sách		Vay Ngân hàng Thẻ giới			
							Tổng số	Xổ số kiến thiết		Tiền sử dụng đất		
(1)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2018			101.358	69.494	2.722	2.722	-	-	-		
	Dự án nhóm C			101.358	69.494	2.722	2.722	-	-	-		
1	Khu tái định cư phục vụ KCN Sông Hậu đợt 1 - GD 1	2006-2015	1749/QĐ-UBND, 21/8/2006	57.718	57.718	2.722	2.722					Thu hồi tạm ứng tồn quỹ ngân sách tỉnh 2.722 triệu đồng
(3)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019			1.159.645	1.029.645	41.088	41.088	-	4.250			
	Dự án nhóm A			1.159.645	1.029.645	41.088	41.088	-	4.250			
1	Dự án: Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Sông Hậu đợt 2 - GD1, huyện Châu Thành	2007-2016	376/QĐ-UBND, 27/02/2007	417.370	357.370	5.800	5.800					
2	Dự án: Xây dựng kết cấu hạ tầng KCN Tân Phú Thạnh - GD1, huyện Châu Thành A	2010-2016	1736/QĐ-UBND, 19/8/2010	742.275	672.275	35.288	35.288		4.250			
IV	Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngoc Hoàng			-	-	11.724	11.724	-	-			
(3)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019			-	-	11.724	11.724	-	-			
	Dự án nhóm B			-	-	11.724	11.724	-	-			
1	Thanh toán nợ đọng theo Chỉ thị 07/CT-TTg (theo danh mục chi tiết đính kèm)					11.724	11.724					
V	Sở Tài nguyên và Môi trường			23.800	23.800	2.710	2.710	-	-			
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2019			23.800	23.800	2.710	2.710	-	-			
	Dự án nhóm C			23.800	23.800	2.710	2.710	-	-			
1	Xây dựng hệ thống quan trắc tự động liên tục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và cơ sở vật chất phòng thí nghiệm, hạ tầng kỹ thuật tiếp nhận dữ liệu quan trắc tự động	2017-2019	1970/QĐ-UBND 31/10/2016	22.000	22.000	1.800	1.800					
2	Phần mềm luận chuyển hồ sơ đất đai	2018-2020	233/QĐ-SKHDT 31/10/2017	1.800	1.800	910	910					
VI	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh			193.115	193.115	7.207	7.207	-	7.207			
(1)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2018			193.115	193.115	7.207	7.207	-	7.207			
	Dự án nhóm B			193.115	193.115	7.207	7.207	-	7.207			
1	Khu tái định cư - dân cư phường 5, TP.VT	2006-2010	439/QĐ-UBND 08/3/2007	79.213	79.213	855	855		855			

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019					Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Vay Ngân hàng Thế giới	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Cân đối ngân sách			
								Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất		
2	Khu tái định cư - dân cư phường 5, giai đoạn 2, TPVT	2011-2016	1233/QĐ-UBND 27/7/2011	113.902	113.902	6.352	6.352		6.352		
VII	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông tỉnh			615.838	449.838	121.345	121.345	30.095	10.983		
(1)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2018			180.526	180.526	16.018	16.018	-	-	-	
	Dự án nhóm B			133.049	133.049	8.976	8.976	-	-		
1	Đường 19 tháng 8, TP. Vị Thanh	2013-2017	2125/QĐ-UBND 25/10/2012	133.049	133.049	8.976	8.976				
	Dự án nhóm C			47.477	47.477	7.042	7.042	-	-	-	
1	Thanh toán nợ đọng theo Chỉ thị 07/CT-TTg (theo danh mục chi tiết đính kèm)					247	247				
2	Đường nội ô thị trấn Nàng Mau	2006-2020	753/QĐ-UBND 17/3/06	47.477	47.477	6.795	6.795				
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2019			285.012	119.012	58.829	58.829	5.095	10.983		
	Dự án nhóm B			219.512	53.512	30.000	30.000	-	10.983		
1	Đường tỉnh 930 (đoạn từ thị trấn Long Mỹ đến Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao)	2015-2019	1514/QĐ-UBND 30/10/2014	219.512	53.512	30.000	30.000		10.983		
	Dự án nhóm C			65.500	65.500	28.829	28.829	5.095	-		
1	Cầu Tân Hiệp	2017-2019	1962/QĐ-UBND 31/10/2016	28.000	28.000	10.200	10.200				
2	Thực hiện công tác GPMB và rà phá bom mìn, vật nổ cho dự án xây dựng cầu dân sinh - LRAMP tỉnh Hậu Giang	2017-2019	284/QĐ-SKHĐT 31/10/2016	2.500	2.500	2.129	2.129				
3	Nâng cấp sửa chữa đường vào Trung tâm Nông nghiệp Mùa Xuân	2017-2019	1262/QĐ-UBND ngày 25/7/2017	35.000	35.000	16.500	16.500	5.095			
(3)	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2019			140.000	140.000	41.498	41.498	25.000	-		
	Dự án nhóm B			110.000	110.000	25.000	25.000	25.000	-		
1	Đường ô tô về trung tâm xã Đông Phước A	2017-2020	1963/QĐ-UBND 31/10/2016	110.000	110.000	25.000	25.000	25.000			
	Dự án nhóm C			30.000	30.000	16.498	16.498	-	-		
1	Đường số 1 thuộc Khu đô thị Nguyễn Huệ, phường Ngã Bảy, thị xã Ngã Bảy	2018-2020	1882/QĐ-UBND 31/10/2017	30.000	30.000	16.498	16.498				
(4)	Dự án khởi công mới năm 2019			10.300	10.300	5.000	5.000				
	Dự án nhóm C			10.300	10.300	5.000	5.000				

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019					Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Cân đối ngân sách		Vay Ngân hàng Thế giới	
								Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất		
1	Mở rộng nút giao Quốc lộ 61 và đầu tư tuyến điện trung thế vào Khu du lịch sinh thái Việt Úc	2019-2021	482/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	4.000	4.000	2.000	2.000				
2	Cải tạo, sửa chữa hệ thống thoát nước đường Võ Văn Kiệt (đoạn từ đường 3 tháng 2 đến kênh Ba Liên)	2019-2021	483/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	6.300	6.300	3.000	3.000				
VIII	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước – Công trình đô thị Hậu Giang			40.000	40.000	24.000	24.000	-			
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2019			40.000	40.000	24.000	24.000	-			
	Dự án nhóm C			40.000	40.000	24.000	24.000	-			
1	Xây dựng Nhà máy nước huyện Long Mỹ (mới chia tách)	2017-2019	1858/QĐ-UBND 28/10/2016	40.000	40.000	24.000	24.000				
IX	Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn			86.777	86.777	17.006	17.006	-			
(1)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2018			67.000	67.000	5.006	5.006	-			
	Dự án nhóm B			67.000	67.000	4.971	4.971	-			
1	Nâng cấp mở rộng các trạm cấp nước tập trung trên địa bàn các huyện Vị Thủy, Châu Thành A, Phụng Hiệp	2017-2019	682/QĐ-UBND 29/4/2016	67.000	67.000	4.971	4.971				
	Dự án nhóm C			-	-	35	35	-			
1	Thanh toán nợ đọng theo Chỉ thị 07/CT-TTg (theo danh mục chi tiết đính kèm)					35	35				
(4)	Dự án dự khởi công mới năm 2019			19.777	19.777	12.000	12.000	-			
	Dự án nhóm C			19.777	19.777	12.000	12.000	-			
1	Nâng cấp, mở rộng phát triển tuyến ống cấp nước các xã nông thôn mới: Xã Vị Thanh, Vị Thủy, Vĩnh Thuận Tây, Vĩnh Trung, Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy	2018-2020	490/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	4.800	4.800	3.000	3.000				
2	Nâng cấp, mở rộng phát triển tuyến ống cấp nước các xã nông thôn mới: Xã Long Trị, Tân Phú, Long Trị A, thị xã Long Mỹ	2018-2020	492/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	4.800	4.800	3.000	3.000				
3	Nâng cấp, mở rộng phát triển tuyến ống cấp nước các xã nông thôn mới: Xã Hòa Mỹ, Tân Bình, huyện Phụng Hiệp	2018-2020	493/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	4.677	4.677	3.000	3.000				

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2019					Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Cân đối ngân sách		
								Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	
4	Nâng cấp, mở rộng phát triển tuyến ống cấp nước các xã nông thôn mới: Xã Thuận Hưng, Vĩnh Viễn, Vĩnh Viễn A, Vĩnh Thuận Đông, huyện Long Mỹ	2018-2020	491/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	5.500	5.500	3.000	3.000	3.000		
X	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			335.902	64.923	24.384	24.384	24.384	-	
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2019			27.000	27.000	10.300	10.300	10.300	-	
	Dự án nhóm C			27.000	27.000	10.300	10.300	10.300	-	
1	Dự án xây dựng trạm bơm điện tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2016-2020	2017-2019	1964/QĐ-UBND 31/10/2016	27.000	27.000	10.300	10.300	10.300		
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019			308.902	37.923	14.084	14.084	14.084	-	
c	Dự án nhóm C			308.902	37.923	14.084	14.084	14.084	-	
1	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tỉnh Hậu Giang (VnSAT) vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB)	2016-2020	1569/QĐ-UBND 9/11/2015	308.902	37.923	14.084	14.084	14.084		
XI	Trung tâm Giống nông nghiệp tỉnh			19.000	19.000	11.100	11.100	11.100	-	
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019			19.000	19.000	11.100	11.100	11.100	-	
	Dự án nhóm C			19.000	19.000	11.100	11.100	11.100	-	
1	Dự án khai thác 02 Khu đất sản xuất tự túc thuộc xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A	2017-2019	1924/QĐ-UBND 31/10/2016	19.000	19.000	11.100	11.100	11.100		
XII	Đài Phát thanh và Truyền hình Hậu Giang			134.535	134.535	34.959	34.959	34.959	-	
(3)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019			134.535	134.535	34.959	34.959	34.959	-	
	Dự án nhóm B			134.535	134.535	34.959	34.959	34.959	-	
1	Nâng cấp số hóa truyền dẫn, phát sóng phát thanh truyền hình Hậu Giang	2017-2020	1058/QĐ-UBND, 6/7/2016	54.535	54.535	1.983	1.983	1.983		
2	Thiết bị Trung tâm Kỹ thuật Phát thanh - Truyền hình tỉnh Hậu Giang	2018-2020	2151/QĐ-UBND, 31/10/2017	80.000	80.000	32.976	32.976	32.976		

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019					Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Cân đối ngân sách		Vay Ngân hàng Thế giới	
								Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất		
XIII	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh			1.283.470	832.141	231.721	231.721	159.932	-	-	
(I)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2018			466.055	333.776	61.185	61.185	37.746	-		
	Dự án nhóm B			391.980	261.980	48.985	48.985	25.746	-	-	
1	Trường Trung học thị trấn Cái Tắc	2015-2018	1490/QĐ-UBND, 28/10/2014; 951/QĐ-UBND 13/7/2015	62.437	62.437	10.200	10.200	10.200			
2	Trung tâm Hội nghị tỉnh	2015-2019	1239/QĐ-UBND, 28/8/2014	193.727	63.727	9.842	9.842				
3	Trung tâm Kỹ thuật Phát thanh - Truyền hình tỉnh Hậu Giang	2013-2017	265/QĐ-UBND, 24/2/2015	80.931	80.931	15.546	15.546	15.546			
4	Trụ sở làm việc các hội có tính chất đặc thù của tỉnh	2016-2019	702/QĐ-UBND ngày 04/5/2016	54.885	54.885	13.397	13.397				
	Dự án nhóm C			74.075	71.796	12.200	12.200	12.000	-	-	
1	Thanh toán nợ đọng theo Chi thị 07/CT-TTg (theo danh mục chi tiết đính kèm)	2008-2009	1039/QĐ- UBND,09/5/2008	2.279		2.739	2.739	2.739			
2	Mái che các hiện vật trưng bày ngoài trời tại Di tích lịch sử Chiến thắng Chương Thiện	2016-2018	1611/QĐ-UBND, 30/10/2015	10.209	10.209	200	200				
3	Trạm Y tế phường Thuận An	2017-2019	239/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	7.000	7.000	1.928	1.928	1.928			
4	Trường THPT Lương Thế Vinh	2017-2019	242/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	5.959	5.959	863	863	863			
5	Trường THPT Trường Long Tây	2017-2019	245/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	7.000	7.000	300	300	300			
6	Ký túc xá cho học viên của tỉnh tại Học viện Chính trị khu vực IV	2017-2019	218/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	6.300	6.300	470	470	470			

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019						Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Chia theo nguồn vốn				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Cân đối ngân sách	Vay Ngân hàng Thế giới			
									Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất		
7	Xây dựng các phòng học, Khoa Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ tại ấp 4, xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp (cho sinh viên Hậu Giang)	2017-2019	1923/QĐ- UBND 28/10/2016	30.000	30.000	5.000	5.000	5.000				
8	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Phòng khám khu vực Vị Thanh	2018-2020	218/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	2.000	2.000	500	500	500				
9	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Trạm Y tế xã Tân Phú	2018-2020	222/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	3.328	3.328	200	200	200				
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2019			134.919	131.065	46.344	46.344	40.894	-			
	Dự án nhóm C			134.919	131.065	46.344	46.344	40.894	-			
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hậu Giang. hạng mức: Nhà để xe nhân viên, nhà đặt tủ điện (ATS), ... Trang thiết bị văn phòng	2014-2017	1743/QĐ-UBND 25/10/2013	35.062	35.062	8.000	8.000	8.000				
2	Sửa chữa trụ sở các sở, ban ngành tỉnh	2017-2019	227/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	21.000	21.000	2.200	2.200					
3	Trường THPT Tân Phú	2017-2019	244/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	5.000	5.000	1.000	1.000	1.000				
4	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Trạm Y tế xã Vĩnh Viễn A	2018-2020	224/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	3.134	3.134	1.800	1.800	1.800				
5	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Trạm Y tế thị trấn Rạch Gòi	2018-2020	220/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	3.340	3.340	1.400	1.400	1.400				
6	Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng Trạm Y tế thị trấn Một Ngàn	2018-2020	221/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	3.834	3.834	2.834	2.834	2.834				
7	Trạm Y tế xã Thạnh Xuân	2018-2020	223/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	7.599	3.745	745	745	745				
8	Nâng cấp mở rộng Trường THPT Vị Thủy (phần hiệu Vĩnh Thuận Tây)	2018-2020	215/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	8.000	8.000	2.015	2.015	2.015				

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019						Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Cân đối ngân sách		Vay Ngân hàng Thế giới		
								Tổng số	Trong đó: Xổ số kiến thiết		Tiền sử dụng đất	
9	Trường THPT Lương Tâm	2018-2020	229/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	11.600	11.600	3.100	3.100	3.100				
10	Trường THPT Chuyên Vị Thanh.	2018-2020	227/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	6.700	6.700	4.700	4.700	4.700				
11	Nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Hậu Giang	2018-2020	214/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	7.400	7.400	5.300	5.300	5.300				
12	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Hậu Giang gồm các hạng mục: Sân đường nội bộ, cây xanh, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống cấp điện, trạm biến áp, phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị ...	2018-2020	225/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	15.000	15.000	10.000	10.000	10.000				
13	Nâng cấp, cải tạo đường số 3 và số 4 hạ tầng Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn I	2018-2020	213/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	7.250	7.250	3.250	3.250	3.250				
(3)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019			323.602	323.602	99.842	99.842	76.942				-
	Dự án nhóm B			167.602	167.602	38.000	38.000	38.000				-
1	Dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích liệt sĩ Đền thờ Bác Hồ, xã Lương Tâm, huyện Long Mỹ	2016-2020	1529/QĐ- UBND 30/10/2015	52.602	52.602	8.000	8.000	8.000				
2	Khu hậu cử đoàn ca múa nhạc dân tộc tỉnh và khu hành chính quản lý thuộc Trung tâm văn hóa tỉnh Hậu Giang	2017-2021	1940/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	115.000	115.000	30.000	30.000	30.000				
	Dự án nhóm C			156.000	156.000	61.842	61.842	38.942				-
1	Trụ sở làm việc Trung tâm Xúc tiến Thương mại, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp thuộc Sở Công Thương	2017-2019	1971/QĐ- UBND 31/10/2016	30.000	30.000	10.000	10.000					
2	Trung tâm tin học - dịch vụ Tài chính công và kho quản lý tài sản Nhà nước	2017-2019	1922/QĐ- UBND 28/10/2016	21.000	21.000	3.900	3.900					
3	Trụ sở Trung tâm hành chính công tỉnh Hậu Giang	2018-2020	2125/QĐ-UBND, 31/10/2017	30.000	30.000	9.000	9.000					

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019					Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Vay Ngân hàng Thế giới	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Cán đối ngân sách			
								Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất		
4	Trường Tiểu học thị trấn Trà Lồng	2018-2020	2154/QĐ-UBND, 31/10/2017	32.000	32.000	16.000	16.000				
5	Trường THPT Vị Thanh	2018-2020	228/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	8.000	8.000	5.000	5.000				
6	Trường THCS Tân Hòa	2018-2020	2155/QĐ-UBND, 31/10/2017	35.000	35.000	17.942	17.942				
(4)	Dự án khởi công mới năm 2019			358.894	43.698	24.350	4.350	-			-
	Dự án nhóm B			315.196	-	4.000	-				
1	Dự án Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Vị Thanh	2013-2020	762/QĐ-UBND ngày 05/6/2014	315.196		4.000	4.000				Đổi ứng ODA
	Dự án nhóm c			43.698	43.698	20.350	4.350	-			
1	Nhà Tang lễ tỉnh Hậu Giang và một số hạng mục chức năng khác	2018-2020	504/QĐ-SKHĐT, 12/11/2018	8.700	8.700	4.350	4.350				
2	Trụ sở làm việc, Hội trường Tỉnh ủy và các hạng mục phụ trợ.	2019-2021	1715/QĐ-UBND, 31/10/2018	23.024	23.024	10.000					
3	Sửa chữa trụ sở làm việc các Ban xây dựng Đảng và Đoàn thể tỉnh.	2019-2021	485/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	11.974	11.974	6.000	6.000				
XIV	Sở Thông tin và Truyền thông			8.996	8.996	2.700	2.700				
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12 năm 2018			4.996	4.996	700	700				
	Dự án nhóm C			4.996	4.996	700	700				
1	Xây dựng công cung cấp dịch vụ công trực tuyến tỉnh Hậu Giang	2017- 2019	467/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	4.996	4.996	700	700				
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2019			4.000	4.000	2.000	2.000				
1	Xây dựng Trung tâm kỹ thuật an toàn mạng của tỉnh	2019 - 2021	467/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	4.000	4.000	2.000	2.000				
XV	Văn phòng UBND tỉnh			69.754	66.274	4.156	4.156	-			
(1)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2018			69.754	66.274	4.156	4.156	-			

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019					Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số	Cân đối ngân sách			Vay Ngân hàng Thẻ giới
									Xử số kiến thiết	Tiền sử dụng đất		
	Dự án nhóm C			69.754	66.274	4.156	4.156	-	-			
1	Trung tâm Hội nghị giai đoạn I	2012-2014	1048/UBND 17/4/2012	58.565	58.565	3.000	3.000			3.000	Thu hồi tạm ứng tồn quỹ ngân sách tính 3.000 triệu đồng	
2	Cây xanh tổng thể	2010-2011	71/QĐ-UBND 16/6/2010	8.641	5.161	908	908				Thu hồi tạm ứng tồn quỹ ngân sách tính 908 triệu đồng	
3	Phản mềm Quản lý văn bản cấp huyện	2017-2019	233/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	2.548	2.548	248	248			248		
XVI	Văn phòng Tỉnh ủy			129.145	127.645	4.754	4.754	-	-			
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12 năm 2018			129.145	127.645	4.754	4.754	-	-			
b	Dự án nhóm B			84.249	84.249	824	824			824		
1	Trụ sở làm việc các Ban xây dựng Đảng tỉnh Hậu Giang	2016-2018	297/QĐ-UBND, 29/02/2016	84.249	84.249	824	824			824		
	Dự án nhóm C			44.896	43.396	3.930	3.930			3.930		
1	Ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan Đảng tỉnh Hậu Giang	2017-2020	246/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	14.922	14.922	2.430	2.430			2.430		
2	Trụ sở Ban bảo vệ và chăm sóc sức khỏe Tỉnh ủy Hậu Giang	2017-2020	297/QĐ-SKHĐT, 31/10/2016	15.000	13.500	1.500	1.500			1.500		
XVII	Công an tỉnh			131.309	54.641	23.133	23.133	-	-			
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12 năm 2018			37.800	20.500	208	208			208		
	Dự án nhóm C			37.800	20.500	208	208			208		
1	Cơ sở làm việc Phòng Cảnh sát PCCC và Cảnh sát 113 thuộc Công an tỉnh Hậu Giang	2015-2019	1310/QĐ- BCA(H11) 30/10/2007	37.800	20.500	208	208			208		
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2019			13.809	13.809	5.925	5.925	-	-			
	Dự án nhóm C			13.809	13.809	5.925	5.925	-	-			
1	Nâng cấp sửa chữa các tuyến đường thuộc Công an tỉnh HG	2017 - 2019	222/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	1.984	1.984	474	474			474		
2	Công an xã Vĩnh Tường	2017-2019	137/QĐ-SKHĐT 23/10/2013	2.925	2.925	756	756			756		

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019					Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Cân đối ngân sách			
								Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Vay Ngân hàng Thế giới	
5	Công an xã Tân Tiến	2018-2020	246/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	3.000	3.000	1.295	1.295				
6	Công an xã Vị Trung	2018-2020	248/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	3.000	3.000	1.500	1.500				
7	Công an xã Lương Tâm	2018-2020	252/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	2.900	2.900	1.900	1.900				
(4)	Dự án khởi công mới năm 2019			79.700	20.332	17.000	17.000	-	-		
	Dự án nhóm C			79.700	20.332	17.000	17.000	-	-		
1	Trạm cảnh sát đường thủy Nhơn Nghĩa A (chỉ phí bồi hoàn)	2018-2020	502/QĐ-SKHĐT, 12/11/2018	2.000	2.000	2.000	2.000				
2	Trạm cảnh sát đường thủy Cái Cồn (chỉ phí bồi hoàn)	2018-2020	503/QĐ-SKHĐT, 12/11/2018	2.000	2.000	2.000	2.000				
3	Cơ sở làm việc Công an huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	2018-2020	6806/QĐ-BCA- H02 ngày 29/10/2018	75.700	16.332	13.000	13.000				Vốn đối ứng GPMB
XVIII	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh			210.576	111.680	17.319	17.319				
(1)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2018			203.135	104.239	10.352	10.352				
	Dự án nhóm B			170.364	71.468	3.248	3.248				
1	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm huấn luyện dự bị động viên	2014-2018	1704/QĐ-UBND 04/12/2014	116.348	17.452	2.700	2.700				
2	Doanh trại Trung đoàn 114	2011-2018	1154/ QĐ-UBND 12/7/2011	54.016	54.016	548	548				
	Dự án nhóm C			32.771	32.771	7.104	7.104				
1	Kho Quân khí - Bộ CHQS tỉnh Hậu Giang	2006-2012	961/ QĐ-UBND, 27/4/2010	32.771	32.771	7.104	7.104				
(4)	Dự án khởi công mới năm 2019			7.441	7.441	6.967	6.967	-	-		
	Dự án nhóm C			7.441	7.441	6.967	6.967	-	-		

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019						Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số	Cân đối ngân sách		Vay Ngân hàng Thẻ giới		
													Xỏ số kiến thiết
1	Đại đội Trinh sát	2019-2020	471/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	7.441	7.441	6.967	6.967						
XIX	Trường Cao đẳng công đồng HG			5.000	5.000	2.500	2.500						
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2019			5.000	5.000	2.500	2.500						
I	Nâng cấp sửa chữa Trường Cao đẳng cộng đồng tỉnh Hậu Giang	2018-2020	251/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	5.000	5.000	2.500	2.500						
XX	Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang			31.074	31.074	13.218	13.218						
(4)	Dự án khởi công mới năm 2019			31.074	31.074	13.218	13.218						
I	San lấp mặt bằng đường số 2, đường số 3, khu xử lý nước và rác thải; Khu thực nghiệm trình diễn cây trồng cạn và vi sinh; Xây dựng trụ sở tạm (thuộc Khu trung tâm - Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang)	2019-2020	1714/QĐ-UBND Ngày 31/10/2018	31.074	31.074	13.218	13.218						
XXI	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			7.923	-	60	60						
(1)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2018			7.923	-	60	60						
	Dự án nhóm C			7.923	-	60	60						
I	Thanh toán nợ đọng theo Chỉ thị 07/CT-TTg (theo danh mục chi tiết đính kèm)	2013-2014	1752/QĐ-UBND ngày 29/10/2013	7.923		60	60						
B	HUYỆN QUẢN LÝ			1.617.100	912.184	345.190	168.905	16.915					
I	Thành phố Vị Thanh			898.122	238.790	70.244	6.101	4.250					
(1)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2018			10.671	6.956	1.223	-	912					
	Dự án nhóm C			10.671	6.956	1.223	-	912					
I	Thanh toán nợ đọng theo Chỉ thị 07/CT-TTg (theo danh mục chi tiết đính kèm)	2013	Số 1621/QĐ-UBND ngày 8/4/2013	3.715		73	73						
2	Nghĩa trang nhân dân thành phố	2012	1598/QĐ-CT.UBND	3.963	3.963	1.000	1.000	912					Thu hồi tạm ứng tồn quỹ ngân sách tỉnh 1.000 triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019					Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Vay Ngân hàng Thế giới	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Cân đối ngân sách			
								Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất		
3	Nâng cấp, sửa chữa đường Nguyễn Thị Minh Khai thành phố Vị Thanh (đoạn từ đường Võ Nguyên Giáp đến đường Lê Hồng Phong)	2018-2020	3344/QĐ-UBND Ngày 29/9/2017	2.993	2.993	150	150				
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2019			28.000	28.000	2.949	2.949	2.949	-		
1	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi trong Khu dân cư - tái định cư phường III (giai đoạn 2)	2018-2020	2023/QĐ-UBND, ngày 27/10/2017	28.000	28.000	2.949	2.949	2.949			
(4)	Dự án khởi công mới năm 2019			859.451	203.834	66.072	66.072	3.152	3.338	-	
1	Đường dẫn vào cầu dân sinh Đập Đá, phường III	2019-2020	3274/QĐ-UBND Ngày 25/10/2018	735	735	734	734				
2	Đường số 6 trong Cụm công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp thành phố Vị Thanh	2019-2020	3276/QĐ-UBND Ngày 25/10/2018	14.999	14.999	7.000	7.000				
3	Sửa chữa Quảng trường Hòa Bình, Công viên Chiến Thắng, Công viên Xà No trên địa bàn thành phố Vị Thanh	2019-2020	3342/QĐ-UBND Ngày 31/10/2018	3.500	3.500	3.000	3.000	1.152			
4	Đường Số 1, Số 2 và 02 tuyến đường dọc theo kênh hiện hữu Khu Tái định cư - Dân cư phường VII, thành phố Vị Thanh	2019-2020	3388/QĐ-UBND Ngày 31/10/2018	3.600	3.600	3.338	3.338		3.338		
5	Trường Trung học cơ sở Châu Văn Liêm, phường IV	2018-2020	3349/QĐ-UBND Ngày 31/10/2018	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400			
6	Trường Mầm non Tương Lai, phường VII	2018-2020	3348/QĐ-UBND Ngày 31/10/2018	600	600	600	600	600			
7	Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Vị Thanh	2018-2023	496/QĐ-UBND 27/3/2017	834.617	179.000	50.000	50.000				Vốn đối ứng
II	Thị xã Ngã Bảy			105.851	105.251	29.873	29.873	8.847	2.975		
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12 năm 2018			41.904	41.904	6.603	6.603	40	-		

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019						Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Vay Ngân hàng Thế giới	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số	Cân đối ngân sách			
									Tổng số	Xổ số kiến thiết		
	Dự án nhóm C			41.904	41.904	6.603	6.603	40	-			
1	Trung tâm y tế thị xã Ngã Bảy	2011-2014	QĐ 1194 ngày 31/5/2010	29.342	29.342	31	31	31				
2	Di dời bãi pa nổ cây xanh và xây dựng tiêu công viên đường Nguyễn Thị Minh Khai	2014	217/UBND- NCTH ngày 11/4/2014	1.062	1.062	62	62					
3	Chi trả bồi thường công trình Cầu Phụng Hiệp	2012	1400/QĐ-UBND ngày 27/6/2012	3.500	3.500	2.500	2.500					Thu hồi tạm ứng TQNS tính 2.500 triệu đồng
4	Nâng cấp sửa chữa đường Trần Nam Phú, khu vực II, phường Hiệp Thành	2018-2020	2136/QĐ-UBND, ngày 31/10/2017	8.000	8.000	990	990					
5	Thanh toán nợ đọng theo Chỉ thị 07/CT-TTg (theo danh mục chi tiết đính kèm)					3.020	3.020	9				
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2019			63.947	63.347	23.270	23.270	8.807	2.975			
c	Dự án nhóm C			63.947	63.347	23.270	23.270	8.807	2.975			
1	Trường THCS Lê Hồng Phong, xã Tân Thành	2019-2020	2281/QĐ-UBND, ngày 27/11/2017	4.000	4.000	2.000	2.000	2.000				
2	Hoàn thiện đường Nguyễn Văn Nét	2019-2020	2272/QĐ-UBND, ngày 24/11/2017	2.500	2.500	1.500	1.500					
3	Công viên Lê Lợi, thị xã Ngã Bảy	2019-2020	2298/QĐ-UBND, ngày 28/11/2017	1.247	1.247	1.207	1.207	1.207				
4	Trụ sở UBND xã Đại Thành	2018-2020	2473/QĐ-UBND, 31/10/2017	10.000	10.000	4.000	4.000					
5	Nâng cấp mở rộng 04 trục đường nội ô thị xã Ngã Bảy	2019-2020	2475/QĐ-UBND, 31/10/2017	15.000	15.000	3.500	3.500	3.500	2.975			
6	Trường Mẫu giáo Hoa Phượng	2018-2020	1495/QĐ-UBND, 12/6/2018	1.200	600	600	600	600				Vốn đối ứng SCC
7	Nâng cấp sửa chữa đường vào tuyến dân cư vượt lũ Cái Cồn	2019-2020	2754/QĐ-UBND, 31/10/2018	15.000	15.000	5.000	5.000	5.000				

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019					Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Vay Ngân hàng Thế giới	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Cân đối ngân sách			
								Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất		
8	Bờ kè chống sạt lở kênh Xáng Thối, phường Ngã Bảy	2019-2020	2753/QĐ-UBND, 31/10/2018	15.000	15.000	5.463	5.463				
III	Thị xã Long Mỹ			36.829	36.829	15.412	15.412	5.529	-	-	
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12 năm 2018			-	-	683	683	-	-	-	
	Dự án nhóm C			-	-	683	683	-	-	-	
I	Thanh toán nợ đọng theo Chỉ thị 07/CT-TTg (theo danh mục chi tiết đính kèm)					683	683				
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2019			23.000	23.000	3.420	3.420	2.820	-		
a	Dự án nhóm c			23.000	23.000	3.420	3.420	2.820	-		
1	Trung tâm văn hóa và khu thể thao xã kết hợp NVH ấp 8 xã Long Trị	2017-2019	1512/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	9.000	9.000	420	420	420			
2	Trụ sở UBND xã Tân Phú	2017-2019	1517/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	9.000	9.000	2.400	2.400	2.400			
3	Đường Nguyễn Việt Hồng	2018-2020	3638c/QĐ-UBND 30/10/2017	5.000	5.000	600	600				
(4)	Dự án khởi công mới năm 2019			13.829	13.829	11.309	11.309	2.709	-	-	
	Dự án nhóm C			13.829	13.829	11.309	11.309	2.709	-	-	-
1	Trường Tiểu học Long Trị 2	2019-2020	2023/QĐ-UBND 27/11/2017	2.829	2.829	2.709	2.709	2.709			
2	Trụ sở UBND xã Long Trị.	2019-2020	2930/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	11.000	11.000	8.600	8.600				
IV	Huyện Long Mỹ			74.910	66.007	35.615	35.615	6.859	850	-	
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2018			271	271	285	285	-	-	-	
	Dự án nhóm C			271	271	285	285	-	-	-	-
1	Thanh toán nợ đọng theo Chỉ thị 07/CT-TTg (theo danh mục chi tiết đính kèm)					264	264				
2	Sửa chữa mô hình một cửa xã Thuận Hưng	2017-2019	2845/QĐ - UBND ngày 31/10/2016	110	110	10	10				

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019					Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Vay Ngân hàng Thế giới	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Cân đối ngân sách			
								Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất		
3	Nhà ăn UBND xã Thuận Hưng	2017-2019	2847/QĐ - UBND ngày 31/10/2016	161	161	11	11				
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2019			73.500	65.500	35.094	35.094	6.623	850	-	
1	Giải phóng mặt bằng Khu hành chính mới huyện Long Mỹ	2017-2019	1795/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	30.000	30.000	26.644	26.644		850		
2	Trường Tiểu học Vĩnh Thuận Đông 2	2017-2019	2865/QĐ - UBND ngày 31/10/2016	15.000	11.000	1.000	1.000	1.000			
3	Khu hành chính xã Thuận Hòa	2017-2019	2866/QĐ - UBND ngày 31/10/2016	15.000	11.000	1.827	1.827				
4	Trụ sở UBND xã Vĩnh Viễn A	2018-2020	3225/QĐ - UBND ngày 31/10/2017	13.500	13.500	5.623	5.623	5.623			
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2019			1.139	236	236	236	236	-		
c	Dự án nhóm C			1.139	236	236	236	236	-		
1	Xây dựng 02 phòng học và các công trình phụ trợ tại Trường Mẫu giáo Xã Phiên 1	2018-2020	110/QĐ-UBND ngày 17/7/2018	1.139	236	236	236	236			Vốn đối ứng SCC
V	Huyện Vị Thủy			150.713	150.713	64.150	64.150	56.379	1.275		
(1)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2018			11.424	11.424	556	556	207	-		
	Dự án nhóm C			11.424	11.424	556	556	207	-		
1	Thanh toán nợ đọng theo Chỉ thị 07/CT-TTg (theo danh mục chi tiết đính kèm)					345	345	15			
2	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 10, xã Vị Thắng	2016-2018	1051/QĐ-UBND, 31/3/2016	1.850	1.850	4	4	4			
3	Nhà văn hóa ấp 12, xã Vị Thắng	2016-2018	1054/QĐ-UBND, 31/3/2016	1.562	1.562	4	4	4			
4	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn quốc gia Trường Trung học cơ sở xã Vị Thắng	2017-2018	4407a/QĐ- UBND, 28/10/2016	3.106	3.106	133	133	133			

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019						Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Vay Ngân hàng Thẻ giới	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số	Cân đối ngân sách			
									Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất		
5	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn quốc gia Trường Mẫu giáo xã Vĩ Thắng	2017-2019	4407b/QĐ- UBND, 28/10/2016	4.211	4.211	51	51	51				
6	Di dời đường dây điện trung hạ áp tại Trường Tiểu học Vĩ Thanh 3	2016-2018	2629/QĐ-UBND, 07/9/2016	295	295	14	14					
7	Đường nối 14.000-9 Thước, xã Vĩnh Trung	2018-2019	3838/QĐ-UBND, 30/10/2017	400	400	5	5					
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2019											
c	Dự án nhóm C											
1	Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị để tái công nhận Trường Tiểu học Vĩ Thủy 2 đạt chuẩn quốc gia (mức độ 2)	2018-2019	3840/QĐ-UBND, 30/10/2017	900	900	40	40	40	40			
2	Trang bị cơ sở vật chất Trường Mầm non Hoa Hồng	2018-2019	3842/QĐ-UBND, 30/10/2017	600	600	35	35	35	35			
3	Xây dựng nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn quốc gia trường Trung học cơ sở Vĩ Đông	2018-2020	3843/QĐ-UBND, 30/10/2017	1.500	1.500	314	314	314	314			
4	Xây dựng nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn quốc gia Trường Tiểu học Vĩ Đông 3	2018-2020	3841/QĐ-UBND, 30/10/2017	3.200	3.200	677	677	677	677			
5	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn quốc gia trường Tiểu học Vĩ Đông 2	2018-2020	3844/QĐ-UBND, 30/10/2017	4.000	4.000	996	996	996	996			
6	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn Trường Tiểu học Vĩnh Trung 2	2018-2020	3845/QĐ-UBND, 30/10/2017	2.500	2.500	962	962	962	962			
7	Nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn trường Tiểu học Vĩnh Trung 3	2018-2020	3846/QĐ-UBND, 30/10/2017	3.500	3.500	641	641	641	641			
8	Nâng cấp trang thiết bị Đài Truyền thanh huyện Vĩ Thủy	2018-2020	3849/QĐ-UBND, 30/10/2017	800	800	74	74	74	74			

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019						Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Cân đối ngân sách		Vay Ngân hàng Thẻ giới		
								Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất			
9	Nâng cấp trang thiết bị Đài Truyền thanh các xã, thị trấn	2018-2020	3848/QĐ-UBND, 30/10/2017	1.500	1.500	139	139					
10	Trung tâm văn hóa xã Vĩ Trung	2018-2020	3847/QĐ-UBND, 30/10/2017	1.942	1.942	200	200					
11	Khu thể thao xã Vĩ Trung	2018-2020	3860a/QĐ-UBND, 31/10/2017	2.300	2.300	469	469					
12	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 7, xã Vĩ Trung	2018-2020	3869a/QĐ-UBND, 31/10/2017	3.500	3.500	381	381					
13	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 9, xã Vĩ Trung	2018-2020	3868a/QĐ-UBND, 31/10/2017	3.500	3.500	674	674					
14	Nhà văn hóa ấp 8, xã Vĩ Trung	2018-2020	3855/QĐ-UBND, 30/10/2017	1.500	1.500	297	297					
15	Nhà văn hóa ấp 10, xã Vĩ Trung	2018-2020	3853/QĐ-UBND, 30/10/2017	1.500	1.500	296	296					
16	Nhà văn hóa ấp 11, xã Vĩ Trung	2018-2020	3854/QĐ-UBND, 30/10/2017	1.500	1.500	241	241					
17	Nhà văn hóa ấp 13, xã Vĩ Trung	2018-2020	3857/QĐ-UBND, 30/10/2017	1.500	1.500	176	176					
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019			55.555	55.555	27.835	27.835	26.560	1.275			
c	Dự án nhóm C			55.555	55.555	27.835	27.835	26.560	1.275			
1	Bờ kè nội ô thị trấn Nàng Mau, huyện Vĩ Thủy, hạng mục: Kè bảo vệ vỉa hè, cây xanh, đèn trang trí	2018-2023	1990/QĐ-UBND, 27/10/2017	55.555	55.555	27.835	27.835	26.560	1.275			
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2019			47.992	47.992	29.147	29.147	23.000	-			
c	Dự án nhóm C			47.992	47.992	29.147	29.147	23.000	-			
1	Trường Mẫu Giáo Vĩnh Tường	2019-2020	3654/QĐ-UBND ngày 24/10/2018	13.000	13.000	10.000	10.000					

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019					Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Cân đối ngân sách		Vay Ngân hàng Thế giới	
								Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất		
2	Trường THCS Vĩ Bình, huyện Vĩ Thủy	2019-2020	3640/QĐ-UBND ngày 23/10/2018	13.947	13.947	10.000	10.000	10.000			
3	Đường kênh 9 Thước, xã Vĩ Trung	2019-2020	2547/QĐ-UBND ngày 23/7/2018	7.146	7.146	3.000	3.000	3.000			
4	Các cầu trên tuyến đường kênh Ngang, huyện Vĩ Thủy. Hạng mục: Cầu kênh Trà Sát, cầu kênh Trường học, cầu kênh Giải Phóng, cầu kênh 10 Nhóc, cầu kênh 5 Tre	2019 -2020	3371/QĐ-UBND ngày 25/9/2018	4.966	4.966	2.000	2.000	2.000			
5	Sửa chữa các trụ sở thuộc UBND huyện Vĩ Thủy. Hạng mục: Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công an huyện, Trung tâm Văn hóa Thông tin – Thể thao, hàng rào Huyện ủy	2019 -2020	3395/QĐ-UBND ngày 27/9/2018	4.304	4.304	2.147	2.147	2.147			
6	Nâng cấp, sửa chữa các trụ sở UBND xã thuộc huyện Vĩ Thủy. Hạng mục: UBND xã Vĩnh Thuận Tây, UBND xã Vĩ Bình, UBND xã Vĩnh Tường	2019 -2020	3726/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	4.629	4.629	2.000	2.000	2.000			
VI	Huyện Phụng Hiệp			141.802	132.729	51.186	31.092	1.700			
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2018			90.282	84.182	16.046	12.701	200			
	Dự án nhóm C			90.282	84.182	16.046	12.701	200			
1	Thanh toán nợ đọng theo Chỉ thị 07/CT-TTg (theo danh mục chi tiết đính kèm)					1.528	1.528				
2	Đường số 1, một đoạn tuyến của đường số 6, một đoạn tuyến của đường số 5 cấp kênh La Bách trung tâm thị trấn Cây Dương, huyện Phụng Hiệp	2014-2017	4861/QĐ-UBND ngày 8/7/2014	36.732	36.732	1.225	1.225	200			
3	Trung tâm văn hóa thể thao xã Phương Bình	2016-2018	3886/QĐ-UBND 26/8/2016	8.000	5.900	2.100	2.100	2.100			
4	Hội trường Huyện ủy (400 chỗ ngồi)	2017-2019	4732/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	10.000	10.000	592	592	592			

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019						Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Vay Ngân hàng Thế giới	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số	Cân đối ngân sách			
									Trong đó:	Xổ số kiến thiết		
5	Trường Tiểu học Tân Bình 3	2017-2019	4737/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	15.000	11.000	6.000	6.000	6.000				
6	Trường Mẫu giáo thị trấn Kinh Cùng	2018-2020	4596/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	13.350	13.350	2.505	2.505	2.505				
7	Trường Trung học Phụng Hiệp	2018-2020	4600/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	2.700	2.700	662	662	662				
8	Trường Trung học thị trấn Kinh Cùng	2018-2020	4599/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	4.500	4.500	1.434	1.434	1.434				
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018			20.000	20.000	11.555	11.555	-	1.500			
	Dự án nhóm C			20.000	20.000	11.555	11.555	-	1.500			
1	Trụ sở UBND xã Hòa Mỹ	2018-2020	4598/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	15.000	15.000	10.000	10.000					
2	Khu Tái định cư xã Tân Long, huyện Phụng Hiệp	2018-2020	4597/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	5.000	5.000	1.555	1.555	1.500				
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2019			31.520	28.547	23.585	23.585	18.391	-			
1	Thiết bị Hội trường Huyện ủy	2019-2020	2085/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	3.000	3.000	2.800	2.800					
2	Trường Mẫu giáo Hương Sen	2019-2020	2292/QĐ-UBND ngày 27/11/2017	4.200	4.200	3.000	3.000	3.000				
3	Trường Mẫu giáo Phụng Hiệp	2019-2020	2291/QĐ-UBND ngày 27/11/2017	3.900	3.900	3.500	3.500	3.500				
4	Trường Mẫu giáo Tân Bình 2	2019-2020	2293/QĐ-UBND ngày 27/11/2017	5.156	5.156	3.800	3.800	3.800				
5	Trường Tiểu học Long Thạnh 3	2019-2020	4420/QĐ-UBND, 31/10/2018	500	500	500	500	500				

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019					Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Cán đối ngân sách				
								Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất			
6	Trường Mẫu giáo Long Thành (điểm kênh Bà Chủ)	2019-2020	4415/QĐ-UBND, 31/10/2018	250	250	250	250	250	250			
7	Trường Tiểu học Thạnh Hòa 2	2019-2020	4425/QĐ-UBND, 31/10/2018	500	500	500	500	500	500			
8	Trường Tiểu học Bình Thành	2019-2020	4416/QĐ-UBND, 31/10/2018	300	300	300	300	300	300			
9	Trường Tiểu học Long Thành 1	2019-2020	4419/QĐ-UBND, 31/10/2018	400	400	400	400	400	400			
10	Trường Tiểu học Phương Bình 1	2019-2020	4422/QĐ-UBND, 31/10/2018	400	400	400	400	400	400			
11	Trường Tiểu học Tân Phước Hưng 2	2019-2020	4424/QĐ-UBND, 31/10/2018	600	600	600	600	600	600			
12	Trường Tiểu học Tân Bình 4	2019-2020	4423/QĐ-UBND, 31/10/2018	600	600	600	600	600	600			
13	Trường THCS Hòa Mỹ	2019-2020	4426/QĐ-UBND, 31/10/2018	500	500	500	500	500	500			
14	Trường Tiểu học Mùa Xuân	2019-2020	4421/QĐ-UBND, 31/10/2018	700	700	700	700	700	700			
15	Trường Tiểu học Hòa Mỹ 3	2019-2020	4418/QĐ-UBND, 31/10/2018	500	500	500	500	500	500			
16	Trường Mẫu giáo Tân Phước Hưng, điểm Phó Đường, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp; hạng mục: 02 phòng học, khu vệ sinh, nhà kho, hàng rào, sân chơi	2018-2020	2322/UBND ngày 25/12/2017	1.346	606	606	606	606	606			Vốn đối ứng SCC
17	Trường Tiểu học Phụng Hiệp, điểm Thới Mỹ, xã Phụng Hiệp, huyện Phụng Hiệp; hạng mục: 03 phòng học, thiết bị	2018-2020	2322/UBND ngày 25/12/2017	1.278	575	575	575	575	575			Vốn đối ứng SCC

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019						Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Vay Ngân hàng Thế giới	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số	Cân đối ngân sách			
									Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất		
18	Trường Tiểu học Thanh Hòa 1, điểm áp 3, xã Thanh Hòa, huyện Phụng Hiệp; hạng mục: 03 phòng học, thiết bị	2018-2020	2322/UBND ngày 25/12/2017	1.278		575	575	575	575			Vốn đối ứng SCC
19	Trường Tiểu học Thanh Hòa 1, điểm áp 3, xã Thanh Hòa, huyện Phụng Hiệp; Hạng mục: 02 phòng học, thiết bị	2018-2020	2322/UBND ngày 25/12/2017	851		383	383	383	383			Vốn đối ứng SCC
20	Trường Mẫu giáo Hoa Mỹ, điểm áp 3, xã Hòa Mỹ, huyện Phụng Hiệp; hạng mục: 02 phòng học, sân chơi, hàng rào, thiết bị	2018-2020	861/UBND ngày 16/5/2018	1.061		702	702	702	702			Vốn đối ứng SCC
21	Lắp đặt đèn chiếu sáng trên Quốc lộ 1 và Quốc Lộ 61	2019-2020	4138/QĐ-UBND ngày 12/10/2018	4.200		4.200	2.394	2.394				
VII	UBND huyện Châu Thành			92.167		69.659	36.306	36.306	21.184	2.550		
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2018			28.070		11.146	7.761	7.761	2.760	-		
	Dự án nhóm C			28.070		11.146	7.761	7.761	2.760	-		
1	Thanh toán nợ đọng theo Chi thị 07/CT-TTg (theo danh mục chi tiết đính kèm)						4.959	4.959				
2	Trụ sở làm việc trung tâm văn hóa và thể thao huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	2011-2013	1324/QĐ-UBND, ngày 22/7/2012	9.961		9.961	2.760	2.760	2.760			Thu hồi TQNS tính 2.592 triệu đồng
3	Cụm DCVL thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành (giai đoạn 2), tỉnh Hậu Giang	2009-2013	5018/QĐ-UBND, ngày 27/11/2013	18.109		1.185	42	42				
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2019			25.364		19.780	2.121	2.121	2.121			
	Dự án nhóm C			25.364		19.780	2.121	2.121	2.121			
1	Trường Tiểu học Ngô Hữu Hạnh 6, huyện Châu Thành (hạng mục: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư; san lấp mặt bằng; công, hàng rào song sắt, hàng rào tường và nhà bảo vệ)	2015-2016	2213/QĐ-UBND, ngày 22/6/2015	5.164		3.080	270	270	270			
2	Trường Tiểu học Phú An, huyện Châu Thành	2017-2019	5711/QĐ-UBND, ngày 25/10/2016	14.900		11.400	900	900	900			
3	Nhà ăn, sân đường nội bộ, cây xanh và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học thị trấn Ngã Sáu	2018-2020	3274A/UBND ngày 31/10/2017	2.800		2.800	571	571	571			

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019					Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số các nguồn vốn	Chia theo nguồn vốn		Vay Ngân hàng Thế giới	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số	Trong đó:		
4	NCSC Trường THCS Nam Kỳ Khởi Nghĩa (XD các thiết chế để tái công nhận đạt chuẩn Quốc gia)	2018-2020	3280A/UBND ngày 31/10/2017	2.500	2.500	380	380	380			
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2019			38.733	38.733	26.424	26.424	18.424	2.550		
1	NCSC Trường THCS Phú Tân (XD các thiết chế để tái công nhận đạt chuẩn Quốc gia)	2019-2020	2279/QĐ-UBND ngày 27/11/2017	2.000	2.000	1.910	1.910	1.910			
2	NCSC Trường Mẫu giáo Hòa Mĩ (Nâng cấp, sửa chữa các thiết chế để tái công nhận đạt chuẩn Quốc gia)	2019-2020	2287/QĐ-UBND ngày 27/11/2017	500	500	480	480	480			
3	NCSC Trường Mẫu giáo Phú An (Nâng cấp, sửa chữa các thiết chế để tái công nhận Đạt chuẩn Quốc gia)	2019-2020	2288/QĐ-UBND ngày 27/11/2017	593	593	563	563	563			
4	Trường Trung học Ngô Hữu Hạnh 2 (Mở rộng để đạt chuẩn Quốc gia)	2019-2020	2280/QĐ-UBND ngày 27/11/2017	4.000	4.000	3.850	3.850	3.850			
5	Trường Trung học Phú Hữu 4 (nâng cấp sửa chữa để đạt chuẩn Quốc gia)	2019-2020	2289/QĐ-UBND ngày 27/11/2017	2.000	2.000	1.910	1.910	1.910			
6	NCSC Trường THCS Phú Hữu	2019-2020	2290/QĐ-UBND ngày 27/11/2017	750	750	710	710	710			
7	NCSC Trường THCS Đồng Phước A (Nâng cấp, sửa chữa các thiết chế để tái công nhận đạt chuẩn Quốc gia)	2019-2020	2321/QĐ-UBND ngày 01/12/2017	750	750	710	710	710			
8	NCSC Phòng Giáo dục và Đào tạo	2019-2020	2294/QĐ-UBND ngày 27/11/2017	500	500	480	480	480			
9	NCSC Trường Tiểu học Phú Hữu 2 (XD các thiết chế để tái công nhận Đạt chuẩn Quốc gia)	2019-2020	2296/QĐ-UBND ngày 27/11/2017	500	500	480	480	480			
10	Trường Mẫu giáo Phú Hữu A (nâng cấp, sửa chữa các thiết chế để tái công nhận đạt chuẩn quốc gia)	2019-2020	2065/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	740	740	700	700	700			
11	Khu hành chính UBND xã Phú Hữu, huyện Châu Thành	2019-2020	4857/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	15.000	15.000	8.000	8.000		2.550		

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019					Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Cân đối ngân sách		Vay Ngân hàng Thế giới	
								Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất		
12	Đường giao thông nông thôn từ cầu Chữ Y đến xã Phú Tân	2019-2020	5748/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	11.400	11.400	6.631	6.631	6.631			
VIII	Huyện Châu Thành A			116.706	112.206	42.404	42.404	32.914	3.315		
(1)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2018			58.072	53.572	11.044	11.044	8.654	815		
	Dự án nhóm C			58.072	53.572	11.044	11.044	8.654	815		
1	NCSC Trường Tiểu học Nhơn Nghĩa A2 (điểm chính)	2016-2018	4351/QĐ-UBND, 29/10/2015	9.472	9.472	2.772	2.772	2.772			
2	NCSC Trụ sở UBND xã Thạnh Xuân	2017-2019	6464/QĐ-UBND, 28/10/2016	5.350	5.350	1.061	1.061	1.061			
3	NCSC Trụ sở UBND xã Tân Phú Thạnh	2017-2019	6487/QĐ-UBND, 31/10/2016	5.800	5.800	421	421	421			
4	NCSC Trụ sở UBND thị trấn Rạch Gòn	2017-2019	6466/QĐ-UBND, 28/10/2016	2.850	2.850	850	850				
5	NCSC Trụ sở UBND thị trấn Một Ngàn	2017-2019	6467/QĐ-UBND, 28/10/2016	2.850	2.850	690	690				
6	NCSC Trụ sở UBND thị trấn Bảy Ngàn	2017-2019	6468/QĐ-UBND, 28/10/2016	2.850	2.850	850	850		815		
7	Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ; Hạng mục: 04 phòng học, 01 phòng chức năng	2017-2019	6483/QĐ-UBND, 31/10/2016	2.400	2.400	300	300	300			
8	Trường Tiểu học Ngô Quyền	2017-2019	6487/QĐ-UBND, 31/10/2016	14.900	11.400	1.400	1.400	1.400			
9	Nâng cấp, sửa chữa và xây mới Trường Tiểu học Thạnh Xuân 2	2017-2019	6485/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	8.000	7.000	2.000	2.000	2.000			
10	Trường THCS Võ Thị Sáu	2018-2020	3933/QĐ-UBND, 30/10/2017	1.200	1.200	100	100	100			

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019					Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Vay Ngân hàng Thế giới	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Cân đối ngân sách			
								Tổng số	Trong đó:		
11	Trường THCS thị trấn Cái Tắc	2018-2020	3936/QĐ-UBND, 30/10/2017	1.200	1.200	400	400	400			
12	Hàng rào Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Châu Thành A	2018-2020	3931/QĐ-UBND, 30/10/2017	1.200	1.200	200	200	200			
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2019			14.670	14.670	6.122	6.122	6.122	-		
	Dự án nhóm C			14.670	14.670	6.122	6.122	6.122	-		
1	Trường Mẫu giáo Trường Long Tây	2018-2020	3941/QĐ-UBND, 30/10/2017	5.000	5.000	3.500	3.500	3.500			
2	Nâng cấp sửa chữa các hạng mục: Sân phía trước công an thị trấn Cái Tắc và đường từ cầu tàu đến Đình Thần thuộc khu vực nội ô thị trấn Cái tắc	2018-2020	3942/QĐ-UBND, 30/10/2017	1.400	1.400	400	400	400			
3	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trường Tiểu học Trường Long A1	2018-2020	3943C/QĐ-UBND, 31/10/2017	1.200	1.200	400	400	400			
4	Trường Mầm non Váng Anh (giai đoạn 2)	2018-2020	3943B/QĐ-UBND, 31/10/2017	7.070	7.070	1.822	1.822	1.822			
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2019			43.964	43.964	25.238	25.238	18.138	2.500		
1	Tu bổ, sửa chữa, nâng cấp để bao kết hợp với GTNT hạng mục: Tuyến Trường Hiệp, Trường Hiệp A, xã Trường Long A, huyện Châu Thành A	2019-2020	2427/QĐ-UBND ngày 13/8/2018	3.000	3.000	2.000	2.000	2.000			
2	Nâng cấp, sửa chữa và thảm nhựa đường Chiêm Thành Tân giáp đường Nguyễn Việt Dũng	2019-2020	3265/QĐ-UBND ngày 15/10/2018	3.520	3.520	2.500	2.500	2.500	2.500		
3	NCSC Trường THCS Trường Long Tây	2019-2020	3264/QĐ-UBND ngày 15/10/2018	2.000	2.000	1.800	1.800	1.800			
4	Nâng cấp, sửa chữa Công an huyện Châu Thành A	2019-2020	3190/QĐ-UBND ngày 04/10/2018	1.000	1.000	900	900	900			
5	Trường Tiểu học Trường Long A3 (giai đoạn 2)	2019-2020	2285/QĐ-UBND, 28/11/2017	6.000	6.000	2.138	2.138	2.138			

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019						Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Chia theo nguồn vốn				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Cân đối ngân sách	Vay Ngân hàng Thế giới			
									Tổng số	Trong đó: Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	
6	Mở rộng diện tích xây dựng Khu di tích lịch sử “Địa điểm thành lập Ủy ban mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam tỉnh Cần Thơ” tại xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành A	2019-2022	2297/QĐ-UBND, 28/11/2017	6.969	6.969	200	200	200				
7	Nhà văn hóa ấp 1B xã Tân Hòa	2019-2020	3296/QĐ-UBND ngày 24/10/2018	700	700	600	600	600				
8	Nhà văn hóa ấp 2B xã Tân Hòa	2019-2020	3294/QĐ-UBND ngày 24/10/2018	700	700	600	600	600				
9	Nhà văn hóa ấp 3B xã Tân Hòa	2019-2020	3298/QĐ-UBND ngày 24/10/2018	700	700	600	600	600				
10	Nhà văn hóa ấp 4A xã Tân Hòa	2019-2020	3295/QĐ-UBND ngày 24/10/2018	300	300	250	250	250				
11	Nhà văn hóa ấp 4B xã Tân Hòa	2019-2020	3294/QĐ-UBND ngày 24/10/2018	400	400	350	350	350				
12	Nhà văn hóa ấp 5B xã Tân Hòa	2019-2020	3425/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	700	700	600	600	600				
13	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Tuổi Ngọc	2019-2020	2448/QĐ-UBND ngày 17/8/2018	3.800	3.800	3.000	3.000	3.000				
14	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Kim Đồng	2019-2020	3424/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	1.200	1.200	1.000	1.000	1.000				
15	Nâng cấp tuyến đê bao GTNT kênh 4000 ấp 5B, xã Tân Hòa	2019-2020	2410/QĐ-UBND ngày 08/8/2018	2.000	2.000	1.000	1.000	1.000				
16	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường GTNT xã Trường Long A	2019-2020	2409/QĐ-UBND ngày 08/8/2018	7.000	7.000	4.000	4.000	4.000				
17	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở UBND xã và Trung tâm văn hóa xã Tân Hòa	2019-2020	2433/QĐ-UBND ngày 15/8/2018	3.975	3.975	3.700	3.700	3.700				



DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019 TỈNH HẬU GIANG
THANH TOÁN NỢ ĐÓNG THEO CHỈ THỊ 07/CT-TTG NGÀY 30/4/2015 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
(Đính kèm Nghị quyết số: 15/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Hậu Giang)

Đơn: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Cân đối ngân sách		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	
	TỔNG SỐ			1.060.639	46.363	25.677	2.858	-	
A	TỈNH QUẢN LÝ			512.911	11.724	14.805	2.834	-	
I	Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng			58.319	11.724	11.724	-	-	
(3)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019			58.319	11.724	11.724	-	-	
	Dự án nhóm B			58.319	11.724	11.724	-	-	
I	Quy hoạch đất sản xuất đổi đất, di dời dân từ khu bảo vệ nghiêm ngặt ra khu sản xuất	2011-2015	1519/QĐ-UBND ngày 21/9/2011	58.319	11.724	11.724			
II	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông tỉnh			199.643	-	247	-	-	
(1)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2018			199.643	-	247	-	-	
	Dự án nhóm C			199.643	-	247	-	-	
I	Đường ô tô về trung tâm thị trấn Cây Dương (đường về huyện Phụng Hiệp mới chia tách)	2008-2011	316/QĐ-UBND 22/02/2008	199.643		247			
III	Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn			13.050	-	35	35	-	
(1)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2018			13.050	-	35	35	-	
	Dự án nhóm C			13.050	-	35	35	-	
I	Dự án: Trạm cấp nước xã Thuận Hưng, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	2013-2015	1915 /QĐ-UBND ngày 25/11/2013	13.050		35	35		

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Cân đối ngân sách		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	
IV	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh			228.418	-	2.739	2.739	-	
(1)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2018			228.418	-	2.739	2.739	-	
	Dự án nhóm C			228.418	-	2.739	2.739	-	
1	THPT BC Vị Thanh (nay là THPT chuyên Vị Thanh)	2008-2009	1039/QĐ- UBND,09/5/2008	2.279		9	9		
2	THPT BC Tân Phú Thạnh (THPT Tầm Vu 2)	2009-2010	2729/QĐ- UBND,10/12/200 8	5.710		21	21		
3	NCSC Trung Tâm tin học ngoại ngữ	2011	854/QĐ- UBND,24/5/2011	1.305		5	5		
4	Tiểu học Vĩnh Viễn 4	2012	113/QĐ-SKHĐT 17/8/2012	1.411		10	10		
5	Tiểu học Trường Long Tây 3	2012	90/QĐ-SKHĐT 01/8/2012	517		4	4		
6	Mẫu giáo Thuận Hưng	2012	131/QĐ-SKHĐT 06/9/2012	1.016		8	8		
7	THPT Lê Quý Đôn	2006	1676/QĐ-UBND 09/8/2006	2.580		8	8		
8	Mẫu giáo Phương Hồng	2011	952/QĐ- UBND 14/6/2011	554		4	4		
9	Tiểu học Tân Thành 1	2009	51/QĐ-SKH&ĐT 04/6/2009	318		3	3		

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Cân đối ngân sách		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	
10	Tiểu học Vị Thủy 2	2011-2012	181/QĐ-SKHĐT 24/11/2011	1.649			12	12	
11	THCS Hoàng Diệu	2011	108/QĐ-SKHĐT 18/7/2011	1.235			9	9	
12	Tiểu học Trường Long A2	2011-2012	169/QĐ-SKHĐT 07/11/2011	2.133			16	16	
13	Tiểu học Phương Bình 1	2011-2012	158/QĐ-SKHĐT 20/10/2011	1.509			11	11	
14	Mẫu giáo Phong Lan	2011-2012	183/QĐ-SKHĐT 24/11/2011	2.395			17	17	
15	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Hậu Giang	2012	2400/QĐ-SKHĐT 26/11/2010	1.833			13	13	
16	THPT Lê Quý Đôn	2012-2013	88/QĐ-SKHĐT 01/8/2012	1.081			13	13	
17	Tiểu học Hòa An 4	2012	31/QĐ-SKHĐT 31/7/2012	711			13	13	
18	Mẫu giáo Vị Trung	2006-2007	1224/QĐ- CT.UBND,22/5/2 006	1.763			60	60	
19	Phân hiệu THPT Tâm Vu 3	2006	49/QĐ-SKHĐT, 28/9/2006	448			2	2	
20	THCS Hoà Mỹ	2003-2004	2011/QĐ-CT.UB, 13/6/2002	717			1	1	

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2019			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Cân đối ngân sách			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất		
21	Tiểu học Hòa Lợi 1	2004-2005	2334/QĐ-CT.UB, 29/07/2002	1.735			16	16		
22	Mẫu giáo Tân Bình 2	2004	755/QĐ- CT.UB,15/6/2004	941			31	31		
23	Tiểu học Phú Hữu 1	2004	07/QĐ- SKH&ĐT,19/3/20 04	492			22	22		
24	Tiểu học Phường 1	2006	2183/QĐ- CT.UB,29/12/200 5	1.691			1	1		
25	THCS Vĩ Thanh	2005-2006	561/QĐ- CT.UB,18/3/2005	1.843			2	2		
26	Tiểu học Ngõ Hữu Hạnh 1	2006-2007	1385/QĐ- CT.UBND,19/6/2 006	1.889			33	33		
27	Tiểu học Phụng Hiệp 3(Tiểu học Hiệp Lợi)	2006	1074/QĐ- CT.UBND,26/4/2 006	1.212			31	31		
28	Tiểu học Hiệp Hưng 1	2006	07/QĐ.SKHĐT,09 /3/2006	421			8	8		
29	Tiểu học Lê Văn Tám	2006-2007	2128/QĐ- UBND,24/10/200 6	976			20	20		
30	Tiểu học Lương Tám 5	2006	1154/QĐ- CT.UBND,12/5/2 006	599			6	6		
31	THCS Vĩnh Viễn 3	2006-2007	2394/QĐ- UBND,28/11/200 6	2.423			1	1		

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Cân đối ngân sách		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	
32	Mẫu giáo Long Trị	2006	1225/QĐ- CT.UBND,22/5/2 006	927		32	32		
33	Tiểu học Phương Phú 1	2006	1013/QĐ- CT.UBND,18/4/2 006	1.017		25	25		
34	Tiểu học Tân Phước Hưng 3	2006	998/QĐ- CT.UBND,14/4/2 006	1.487		8	8		
35	Tiểu học Thuận Hưng 3	2006	987/QĐ- CT.UBND,14/4/2 006	1.455		10	10		
36	THCS Ngã Bảy	2008	14/QĐ- KH&ĐT,28/2/200 8	423		23	23		
37	THCS Hoà An	2006-2007	2202/QĐ- CT.UBND,06/10/ 2005	13.927		18	18		
38	Trụ sở Sở GD&ĐT	2009-2011	2914/QĐ- UBND,31/12/200 8	18.879		25	25		
39	THPT Tầm Vu 3	2012-2013	1929/QĐ- UBND,13/01/201 4	13.555		3	3		
40	THPT Vĩnh Viễn (nay là THPT Tây Đô)	2012-2014	1405/QĐ- UBND,06/9/2011	23.555		4	4		
41	Ký túc xá sinh viên Hậu Giang tại Trường Đại học Cần Thơ	2012-2014	1289QĐ- UBND,09/8/2011	37.807		281	281		

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019				Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Cân đối ngân sách			
				Trong đó: NSDP	Xổ số kiến thiết		Tiền sử dụng đất			
42	Chương trình đảm bảo chất lượng (Seqap) 2010-2015	2010-2015	12/QĐ- CT.BGD,4/10/201 0	70.000		1900	1900			
V	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			13.481	-	60	60	-		
(1)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2018			13.481	-	60	60	-		
	Dự án nhóm C			13.481	-	60	60	-		
1	XD Trường Trung cấp nghề Ngã Bảy, hạng mục xưởng điện từ-tin học	2013-2014	1752/QĐ-UBND ngày 29/10/2013	7.923		33	33			
2	Nâng cấp sửa chữa Trường Trung cấp nghề tỉnh Hạng mục: Chống thấm, sơn trong, ngoài khối hiệu bộ, khối phòng học lý thuyết, đóng trần khối phòng học lý thuyết	2014	106/QĐ-SKHĐT ngày 25/6/2014	2.660		13	13			
3	Nâng cấp, sửa chữa Trường Trung cấp nghề tỉnh HG; HM: Xưởng điện - điện tử, xưởng may, khu hiệu bộ và khối phòng học lý thuyết	2014-2016	131/QĐ-SKHĐT ngày 30/9/2013	2.899		14	14			
B	HUYỆN QUẢN LÝ			547.728	34.639	10.872	24	-		
I	Thành phố Vị Thanh			3.715	-	73	-	-		
(1)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2018			3.715	-	73	-	-		
	Dự án nhóm C			3.715	-	73	-	-		
1	Cầu Đòn Dong, ấp 7 xã Vị Tân	2013	Số 1621/QĐ- UBND ngày 08/4/2013	3.715		73				
II	Thị xã Ngã Bảy			71.408	12.157	3.020	9	-		
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12 năm 2018			71.408	12.157	3.020	9	-		
	Dự án nhóm C			71.408	12.157	3.020	9	-		

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Cân đối ngân sách		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	
1	Khu thương mại trung tâm thị trấn Phụng Hiệp (nay là khu trung tâm thương mại phường Ngã Bảy)	2005-2006	QĐ 843 ngày 25/11/2004 UBND tỉnh HG	6.377	6.377	500			
2	Hạ tầng kỹ thuật đường Hùng Vương, (đoạn từ đầu tuyến Quản lộ Phụng Hiệp đến cầu Cái Đoi)	Năm 2014	2562/QĐ-UBND ngày 31/7/2014	5.780	5.780	458			
3	Nâng cấp các trục đường nội ô KV1, phường Ngã Bảy	2009-2011	QĐ 2313 ngày 20/6/2011UBND thị xã Ngã Bảy	12.396		677			
4	Đường Nguyễn Trãi	Năm 2014	2563/QĐ-UBND ngày 31/7/2014	2.863		279			
5	Lộ nội ô thị trấn Phụng Hiệp-phần còn lại (nay phường Ngã Bảy)	2009-2011	QĐ 520 ngày 05/3/2009 UBND tỉnh HG	23.007		1.068			
6	Lộ kênh Tám Nhái bờ phải	2013-2014	Số 4366/QĐ-UBND ngày 18/11/2013	2.978		27			
7	Lộ từ Trường Mẫu giáo Sao Mai đến cầu Sáu Cù	2014-2015	2460/QĐ-UBND ngày 24/7/2014	1.702		2			
8	Trường Mẫu giáo Bông Sen, phường Lái Hiếu	2013-2015	QĐ 4818 ngày 06/12/2013 UBND thị xã Ngã Bảy	7.594		7	7		
9	Trường Tiểu học Tân Thành 2 trên tuyến dân cư vượt lũ Cái Côn	2012-2014	1615/QĐ-UBND ngày 13/8/2012	8.711		2	2		
III	Thị xã Long Mỹ			61.173	-	683	-	-	
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12 năm 2018			61.173	-	683	-	-	
	Dự án nhóm C			61.173	-	683	-	-	

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Cân đối ngân sách		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	
1	02 nhà vệ sinh	2014-2014	3452/QĐ-UBND ngày 25/10/2013	190		6			
2	Khu tái định cư ấp 1 thị trấn Long Mỹ	2007-2008	739/QĐ-UBND ngày 04/05/2007 và QĐ 741/QĐ- UBND ngày 29/4/2011	33.695		464			
3	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu dân cư ấp 2 (sân bóng cũ) thị trấn Long Mỹ	2013-2013	883/QĐ-UBND ngày 25/03/2013	5.948		57			
4	Sửa chữa kho lương thực huyện Long Mỹ	2013-2013	414/QĐ-UBND ngày 04/03/2013	3.208		1			
5	Nâng cấp mở rộng tuyến đường nhà Tư Kiến	2013-2013	416/QĐ-UBND ngày 04/04/2013	1.407		4			
6	Nâng cấp mở rộng tuyến đường Nhà thờ Trà Râm	2013-2013	2960/QĐ-UBND ngày 18/10/2012	2.046		15			
7	Đường phục vụ Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp	2007-2008	67/QĐ-UBND ngày 12/01/2007	14.679		136			
IV	Huyện Long Mỹ			10.552	-	264	-	-	
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2018			10.552	-	264	-	-	
	Dự án nhóm C			10.552	-	264	-	-	
1	Bờ kè Trụ sở UBND xã Vĩnh Viễn	2013-2014	4156/QĐ-UBND, ngày 7/10/2014	362		62			
2	Sửa chữa tuyến đê bờ đống Hội Đồng xã Thuận Hưng	2014-2015	1992/UBND- TCKH, ngày 29/10/2014	4515		182			

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số Cân đối ngân sách	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		Tổng số	Xổ số kiến thiết		Tiền sử dụng đất
3	Sửa chữa tuyến đê bờ tây kênh Châm Tróc xã Thuận Hưng	2014-2015	1990/UBND- TCKH, ngày 29/10/2014	2000			6			
4	Sửa chữa tuyến đê bao tây kênh Ba Phát xã Thuận Hưng	2014-2015	2282/UBND- TCKH, ngày 08/12/2014	3675			14			
V	Huyện Vị Thủy			88.219	-		345	15	-	
(1)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2018			88.219	-		345	15	-	
	Dự án nhóm C			88.219	-		345	15	-	
1	Đường 3 Liền - Ông Tà gói thầu 2	2002-2007	2364/QĐ-UBND ngày 27/11/2012	3.593			3			
2	Đường Bùi Hữu Nghĩa	2004-2013	1347/QĐ-UBND ngày 14/8/2013	683			8			
3	Đường thị trấn Nàng Mau - Vĩnh Thuận Tây	2006-2010	123/QĐ- UBND ngày 22/11/2014	8.916			50			
4	Đường kênh Ba Thước huyện Vị Thủy	2010-2012	1217/QĐ-UBND ngày 02/06/2010	69.157			4			
5	Đường dây hạ áp cấp điện khu dân cư xã Vị Trung, sân Tennis thị trấn Nàng Mau	2012-2013	2357/QĐ-UBND ngày 22/7/2013	217			1			
6	Đường dây điện hạ thế 3 pha cấp điện cho sân bóng đá huyện	2009-2010	962/QĐ-UBND ngày 01/4/2009	85			9			
7	Sửa chữa cầu mương lộ ấp 2 thị trấn Nàng Mau	2009-2010	504/QĐ-UBND ngày 10/02/2010	46			4			

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2019			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số Cân đối ngân sách	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	
8	Hệ thống điện (cáp ngầm) của Trung tâm văn hóa	2009	1230/QĐ-UBND ngày 22/4/2009	56			5			
9	San lấp và lót dal sân chợ tạm xã Vị Thắng	2008	2788/QĐ-UBND ngày 22/8/2008	195			8			
10	Hệ thống thoát nước chợ Vĩnh Thuận Tây	2010	1571/QĐ-UBND ngày 20/5/2010	73			2			
11	UBND xã Vị Thủy, huyện Vị Thủy, hạng mục: Nâng cấp sửa chữa trụ sở	2009-2011	2785/QĐ-UBND ngày 18/5/2011	266			4			
12	Di dời và cải tạo đường dây trung, hạ thế 3pha vùng QH KDC-TM xã Vĩnh Thuận Tây	2007	2267/QĐ-UBND ngày 13/12/2007	365			215			
13	UBND xã Vị Thanh; hạng mục: Công viên, rãnh thoát nước, nhà xe, sửa chữa trụ sở	2010	4355/QĐ-UBND ngày 01/12/2010	319			4			
14	Nhà vệ sinh xã Vị Thắng	2010	4063/QĐ-UBND ngày 15/11/2010	95			5			
15	Xây dựng nhà vệ sinh UBND xã Vị Thủy (CT nước sạch)	2010	222/QĐ-UBND ngày 21/01/2010	42			8			
16	Trường Mẫu giáo xã Vị Trung (nhà ăn)	2012-2013	5047/UBND ngày 05/12/2013	906			3	3		
17	Nhà văn hóa ấp 1, xã Vị Thanh	2012-2014	2331/QĐ-UBND ngày 30/6/2014	3.138			1	1		
18	Nhà thông tin ấp 7 xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy	2007-2014	4020/QĐ-UBND ngày 04/11/2014	67			11	11		
VI	Huyện Phụng Hiệp			111.570	-	-	1.528	-	-	

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019				Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Cán đối ngân sách			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất		
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/năm 2018			111.570	-	1.528	-	-		
	Dự án nhóm C			111.570	-	1.528	-	-		
1	Dự án đường ô tô về trung tâm xã Hiệp Hưng	2008-2010	453/QĐ-UBND 26/02/2009	5.591		40				
2	Đường ô tô về trung tâm xã Bình Thành	2008-2010	3112/QĐ-UBND ngày 19/11/2009	45.804		30				
3	Dự án đường ô tô về trung tâm xã Hòa Mỹ	2008-2010	2603/QĐ-UBND 18/11/2008	17.745		100				
4	Dự án đường ô tô về trung tâm xã Long Thạnh	2008-2010	453/QĐ-UBND 26/02/2009	18.140		30				
5	Trường Mẫu giáo Tân Phước Hưng	2012-2013	1235/QĐ-UBND ngày 23/3/2012	9.500		4				
6	Trung tâm thể thao xã Thạnh Hòa	2014	3574b/QĐ- UBND ngày 12/6/2014	9.019		963				
7	Công trình: Trường Tiểu học Hòa An 1 (01 nhà vệ sinh), Trường Tiểu học Hòa An 4 (01 nhà vệ sinh); Trường Tiểu học Hòa Mỹ 3 (01 nhà vệ sinh) và Trường Tiểu học Thạnh Hòa 3 (01 nhà vệ sinh)	06/11/2014 - 26/12/2014	6073/QĐ-UBND ngày 09/10/2014	571		102				
8	Đê bao khép kín tuyến ấp 6 và ấp 7	2013-2014	2425a/QĐ-UBND ngày 23/10/2013	5.200		259				
VII	UBND huyện Châu Thành			201.091	22.482	4.959	-	-		
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/năm 2018			201.091	22.482	4.959	-	-		

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2019			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Cân đối ngân sách		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	
	Dự án nhóm C			201.091	22.482	4.959	-	-	
1	Đường cấp KTM vào đường tránh TTNS	2009-2013	2277/QĐ-UBND, 20/8/2009	10.752		800			
2	Đê bao chống lũ kết hợp giao thông (tuyến NTĐS - BCS) huyện Châu Thành	2003	4753/QĐ-UBND ngày 26/7/2003	19.967		309			
3	Tuyến đường Tránh thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, Hậu Giang	2009-2011	3058/QĐ-UBND ngày 24/9/2009	22.949		450			
4	Tuyến lộ Cái Canh - Ông Hoạch (đoạn từ cầu Cái Chanh qua cầu Chữ Y đến cầu Ông Hoạch)	2004-2011	Số 870/QĐ-UBND 24/12/2004	4.014		240			
5	Cụm Dân cư vượt lũ xã Phú Hữu, huyện Châu Thành (giai đoạn 2), tỉnh Hậu Giang	2009-2013	5189/QĐ-UBND ngày 16/02/2013	47.756		42			
6	Trung tâm Văn hóa huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	2012-2014	1020/QĐ-UBND ngày 11/4/2012	11.850		40			
7	Nâng cấp, sửa chữa đê bao chống lũ gắn với giao thông nông thôn bê tông tuyến vàm Cây Dương-Bưng Cây Sắn, ấp Phú Tân A, Phú Tân 2012	29/03/2012-29/05/2012	5576/QĐ-UBND, 30/12/2011	3.850		61			
8	Nâng cấp, sửa chữa đê bao chống lũ gắn với giao thông nông thôn bê tông tuyến cầu Nhà Thờ - Đồng Phước A, ấp Khánh Hội A, Phú An 2012.	24/11/2011-24/08/2012	QĐ:4866/QĐ-UBND ngày 03/11/2011	3.325		115			
9	Nâng cấp sửa chữa đê bao chống lũ gắn với GTNT,ấp Khánh Hội A, xã Phú An năm 2013	2014	QĐ:4316/QĐ-UBND ngày 30/10/2013	999		132			

Stt	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2019			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Cân đối ngân sách			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất		
10	Xây dựng trường tiểu học Thị trấn Ngã Sáu	2011-2015	1325/QĐ-UBND ngày 27/4/2012	9.968			500			
11	Trường Tiểu học Đông Phú 1, huyện Châu Thành	2012-2015	628/QĐ-UBND ngày 19/3/2012	34.256			223			
12	Sân khấu ngoài trời Trung tâm Văn hóa huyện	2013	1616/QĐ-UBND ngày 11/4/2013	6.017			472			
14	Trụ sở làm việc UBND xã Phú Tân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	2012-2014	2672/QĐ-UBND, ngày 06/8/2012	9.966		9.966	300			
15	Lộ giao thông căn cứ Liên Tỉnh ủy (đoạn cầu chữ Y – Kênh Xáng)	2011 - 2012	4554A/QĐ-UBND ngày 19/10/2011	2.906			703			

